

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST  
Ngày: 09-4-2024  
V/v tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Công Danh.
- Ông Trần Văn Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị Kim K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố Thanh Ba, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1959;

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trịnh Thị L:** Ông Võ Minh T, sinh năm 1957 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 1007/59/6 Lạc Long Quân, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 5 năm 2022).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt);

2. Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim K trình bày:*

Quyền sử dụng thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.451m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Long An có nguồn gốc là của cha mẹ bà là ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị T tặng cho bà. Vào năm 1997 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ kê khai đăng ký cấp giấy, không có đo đạc thực tế, khi cha mẹ cho bà không có cắm cọc ranh cụ thể với các thửa đất liền kề. Các thửa đất giáp ranh với thửa đất số 931 là thửa 2071 của bà Trịnh Thị L, thửa đất số 928 của ông Trịnh Minh T, thửa đất số 930 của ông Trịnh Văn T đều có nguồn gốc do cha mẹ là ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị T tặng cho. Khi cha mẹ tặng cho đất thì không có cắm cọc ranh cụ thể. Quá trình anh chị em bà sử dụng đất cũng không có cắm cọc ranh. Đến năm 2019, bà L yêu cầu bà cắm ranh đất giữa thửa đất số 931 của bà với thửa đất số 2071 của bà L thì bà có nói là bà không biết cụ thể ranh giới đất nên chưa cắm ranh thì bà L tự ý kê công ty đo đạc tiến hành đo đạc thửa đất số 2071 và tự ý cắm cọc ranh, bà không đồng ý với cọc ranh do bà L cắm nên bà nộp đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng không thành nên bà khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ kết quả đo đạc trong Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thì bà yêu cầu bà Trịnh Thị L phải trả lại cho bà phần đất lấn chiếm tại vị trí D có diện tích là 185m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 931 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Đối với phần đất có diện tích 146m<sup>2</sup> tại vị trí G của Mảnh trích đo là lối đi từ xưa đến nay, trước đây chỉ là bờ ranh có chiều ngang khoảng 03 tấc, bây giờ là lối đi có chiều ngang khoảng hơn 1,2m.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trịnh Thị L do ông Võ Minh T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:*

Thửa đất số 2071, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.450m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Long An có nguồn gốc của cha mẹ bà Trịnh Thị L là ông ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị T tặng cho bà L, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, khi cấp giấy không có đo đạc diện tích thực tế, khi tặng cho quyền sử dụng đất chưa cắm cọc ranh nhưng có hiện trạng như hiện nay. Đến năm 2019 thì bà K và bà L cắm cọc ranh chung của hai thửa. Đến năm 2020 bà L có yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đo đạc lại thửa đất số 2071 thì bà K sợ bà L lấn chiếm đất nên bà K khởi kiện ra Tòa án yêu cầu trả lại đất. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thì hiện trạng sử dụng đất thực tế của thửa đất số 2071 của bà L gồm vị trí C (9m<sup>2</sup>), vị trí D (185m<sup>2</sup>), vị trí F (1.279m<sup>2</sup>). Vì vậy bà L không đồng ý đồng ý trả lại cho bà K phần đất tại vị trí D (185m<sup>2</sup>). Đối với phần đất tại vị trí (G) có diện tích 146m<sup>2</sup> thể hiện lối đi từ xưa không phải là phần đất thuộc thửa đất số 2071. Theo ý kiến của bà L thì nên cộng diện tích tại các vị trí A, B, C D, E, F, sau đó chia đôi diện tích đó ra cho bà K với bà L để phù hợp với quá trình sử dụng đất.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T trình bày:*

Thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Kim K và thửa đất số 2071, tờ bản đồ số 05 cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị L giáp ranh với thửa đất số 930, tờ bản đồ số 05, diện tích là 4.361m<sup>2</sup> cấp quyền sử dụng đất cho ông. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thì phần ranh giới đất do bà K với bà L xác định bao gồm luôn một phần thửa đất số 930 của ông thì ông không đồng ý, nếu bà K lấn ranh đất của ông thì bà K trả lại đất cho ông, bà L lấn ranh thì bà L trả, còn nếu xác định ranh giới như thế nào thì theo quy định của pháp luật.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Minh T trình bày:*

Thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Long An cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Kim K giáp ranh với thửa đất số 928, tờ bản đồ số 05, diện tích 8.677m<sup>2</sup> cấp quyền sử dụng đất cho ông. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thể hiện ranh giới đất do bà K xác định bao gồm luôn một phần thửa đất số 928, có diện tích là 127m<sup>2</sup>, bà K xác định không đúng ranh đất với phần đất của ông nên ông không đồng ý với ranh đất mà bà K xác định.

Vụ án được Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị L trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 185m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, thể hiện tại vị trí D trong Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023. Bà K trình bày cho rằng bà không trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 931 nên bà không biết ranh giới cụ thể của thửa đất, khi đo đạc diện tích thực tế thì bà xác định ranh của thửa đất số 931 không bao gồm luôn phần diện tích 185m<sup>2</sup> nêu trên. Nhưng căn cứ vào ranh bản đồ địa chính thì phần đất tại vị trí D (185m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 931 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Theo bà thì bà L cũng không trực tiếp quản lý sử dụng đất nên bà L cũng không biết ranh giới giữa thửa đất số 931 và thửa đất số 2071.

Ông Võ Minh T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị L trình bày cho rằng kết quả đo đạc thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 đã xác định được ranh giới thực tế sử dụng đất giữa bà K và bà L, hiện trạng sử dụng đất thực tế của thửa đất số 2071 của bà L gồm vị trí C (9m<sup>2</sup>), vị trí D (185m<sup>2</sup>), vị trí F (1.279m<sup>2</sup>). Vì vậy bà L không đồng ý đồng ý trả lại cho bà K phần đất tại vị trí D (185m<sup>2</sup>). Đối với phần đất tại vị trí (G) có diện tích 146m<sup>2</sup> thể hiện lối đi từ xưa không phải là phần đất thuộc thửa đất số 2071.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Minh T trình bày: Quá trình sử dụng đất giữa ông với bà Trịnh Thị Kim K từ khi cha mẹ cho đất thì ông đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp nên ông không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Vào năm 1997, bà Trịnh Thị Kim K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05, diện tích là 1.451m<sup>2</sup>, loại đất LUK. Bà Trịnh Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 2071, tờ bản đồ số 05, diện tích là 1.450m<sup>2</sup>, loại đất LUK cùng tọa lạc tại ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện quá trình cấp giấy đối với thửa đất số 931 và thửa đất số 2071 là kê khai cấp giấy, không có đo đạc hiện trạng thực tế. Bà K và bà L không trực tiếp quản lý sử dụng đất nên ranh giới giữa các thửa đất theo ranh bản đồ địa chính. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thể hiện phần đất có diện tích là 185m<sup>2</sup> tại vị trí D thuộc thửa đất số 931 cấp quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị Kim K nên bà K khởi kiện yêu cầu bà L trả lại phần diện tích đất nêu trên là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp phát sinh giữa bà Trịnh Thị Kim K với bà Trịnh Thị L là tranh chấp phần diện tích đất tiếp giáp giữa thửa đất số 931 và thửa đất số 2071, cùng tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã Đông Thạnh, huyện C, tỉnh Long An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 9 Điều 26, các Điều 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Văn T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim K về việc yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị L trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế là 185m<sup>2</sup> tại vị trí D thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty

TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 (gọi tắt là Mảnh trích đo số 199) thuộc thửa đất số 931 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K:

[2.1] Căn cứ kết quả đo đạc trong Mảnh trích đo số 199 thể hiện như sau:

Ranh thửa đất số 931 do bà K xác định bao gồm: Vị trí A ( $127\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa đất số 928 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Minh T; Vị trí B ( $23\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa đất số 930 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn T; Vị trí E ( $1.246\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa đất số 931 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K. Bà K cho rằng do bà không trực tiếp sử dụng đất nên bà không biết chính xác ranh đất nên khi đo đạc thực tế bà xác định không bao gồm phần đất tại vị trí D ( $185\text{m}^2$ ) nhưng theo ranh bản đồ địa chính thì phần đất này cấp giấy cho bà tại thửa đất số 931.

Ranh thửa đất số 2071 do bà L xác định bao gồm: Vị trí C ( $9\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa đất số 930 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn T; Vị trí D ( $185\text{m}^2$ ) thuộc một phần thửa đất số 931 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K, vị trí F ( $1.279\text{m}^2$ ) thuộc thửa đất số 2071 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trịnh Thị L.

Các đương sự đều trình bày thống nhất, quyền sử dụng đất của bà Trịnh Thị Kim K tại thửa đất số 931, diện tích  $1.451\text{m}^2$  và quyền sử dụng đất thửa số 2071, diện tích là  $1.451\text{m}^2$  của bà Trịnh Thị L, quyền sử dụng đất thửa số 928, diện tích là  $8.677\text{m}^2$  của ông Trịnh Minh T, quyền sử dụng đất thửa số 930, diện tích là  $4.361\text{m}^2$  của ông Trịnh Văn T cùng có nguồn gốc của cha mẹ là ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị T tặng cho trước năm 1997, khi cha mẹ cho đất không có cắm cọc ranh giữa các thửa đất.

Năm 1997 bà K, bà L, ông Tứ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên cơ sở kê khai đăng ký cấp giấy, không có đo đạc thực tế. Năm 2004 ông Thành được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 928 dựa trên cơ sở trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Quá trình sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện C có thu hồi thửa đất số 931, tờ bản đồ số 05, diện tích  $27,8\text{m}^2$  loại đất lúa của bà K theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 và thửa đất số 2071, tờ bản đồ số 05, diện tích  $28,7\text{m}^2$ , loại đất lúa của bà L theo Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 20/5/2009, theo hồ sơ thu hồi đất thì khi thực hiện thủ tục thu hồi đất căn cứ vào trích lục địa chính, không có đo đạc thực tế.

Ông Trịnh Minh T xác định quá trình sử dụng đất giữa thửa đất số 928 của ông với thửa đất số 931 của bà K theo ranh giới ổn định từ khi cho đất, không tranh chấp. Ông Tứ thì không có ý kiến tranh chấp gì đối với phần ranh giới đất do các bên xác định trong Mảnh trích đo số 199. Qua đó có đủ cơ sở xác định quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của các thửa đất chỉ thực hiện trên hồ sơ địa chính không tiến hành đo đạc thực tế, chính vì vậy khi sử dụng thì sử dụng không đúng ranh giới địa chính nên không căn cứ vào ranh địa chính cũng như diện tích đất khi cấp giấy để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Qua kết quả các đương sự xác định ranh thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính thì bà K đang thực tế sử dụng phần đất tại vị trí A ( $127m^2$ ); vị trí B ( $23m^2$ ); vị trí E ( $1.246m^2$ ). Bà L đang thực tế sử dụng phần đất tại vị trí C ( $9m^2$ ); vị trí D ( $185m^2$ ) và F ( $1.279m^2$ ). Đối với phần đất tại vị trí G ( $146m^2$ ) thể hiện thuộc thửa đất số 2071 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L, các bên đều thừa nhận phần đất tại vị trí G là lối đi sử dụng từ trước đến nay.

Do đó bà K cho rằng phần đất đang tranh chấp tại vị trí D ( $185m^2$ ) là phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K nên khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận mà ranh giới giữa các bên là ranh giới thực tế sử dụng đất để các bên chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và thẩm định giá là 21.200.000 đồng, nguyên đơn bà K khởi kiện không có căn cứ chấp nhận nên phải chịu chi phí này, bà K đã nộp xong.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim K khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà K thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà K.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, 170 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim K về việc yêu cầu bà Trịnh Thị L trả lại cho bà K quyền sử dụng phần đất bị lấn chiếm thuộc khu D ( $185m^2$ ) theo Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên là ranh thực tế sử dụng. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 199-2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 31/8/2023 thì đường ranh giới của các bên là cạnh hướng Bắc phần diện tích đất tranh chấp có độ dài 80,65m; 1,24m.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý và cấp quyền sử dụng đất đúng hiện trạng và diện tích đất thực tế sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên độ hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Trịnh Thị Kim K phải chịu 21.200.000 đồng, bà K đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Trịnh Thị Kim K. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Kim K số tiền là 1.750.000 đồng tạm ứng án phí do bà K nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tại biên lai thu số 0013162 ngày 15/3/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Đẹp**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

—

**Phan Thị Đẹp**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**



.



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**

